TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH K1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: **27**/2022/HS-PT
Ngày: 17/3/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH K1

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thành
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tuấn
Ông Võ Đình Phương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Hồng Thắm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh K1.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K1 tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Bai - Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K1, xét xử P thẩm công khai vụ án hình sự P thẩm thụ lý số: 58/2021/TLPT-HS ngày 07/5/2021 đối với bị cáo Lê Văn H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh K1.

** Bị cáo có kháng cáo*:

1. Họ và tên: Lê Văn H (Út mặt ngựa), sinh năm: 1992 tại K1; Nơi cư trú: Tổ dân phố Khánh Cam 1, phường Ba Ngòi, thành phố C, tỉnh K1; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không: Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn Máy (Sinh năm 1957) và bà Trần Thị Mỹ Huệ (Sinh năm 1961); Vợ, con: chưa;

Tiền án: không;

Tiền sự:

- Ngày 30/5/2019, bị Ủy ban nhân dân phường Ba Ngòi, thành phố C quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

- Ngày 18/9/2019, bị Công an thành phố C xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản;

- Ngày 29/10/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố C quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 02 năm;

Nhân thân:

Ngày 15/02/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 02 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/02/2018.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện tỉnh K1. Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Họ và tên: Huỳnh Ngọc Hữu P (Vũ xăm), sinh năm 1993 tại K1; Nơi cư trú: Tổ dân phố Lợi Hiệp, phường Cam Lợi, thành phố C, tỉnh K1, Nghề nghiệp: Không: Trình độ văn hoá: 9/12, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh Ngọc Sơn (Sinh năm 1961) và bà Trần Thị Mai Hương (Sinh năm 1965); Vợ, con: chưa.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 24/9/2010, Tòa án nhân dân thị xã C xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản";
- Ngày 20/6/2012, Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản";
- Ngày 15/01/2015, Tòa án nhân dân tỉnh K1 xử phạt 05 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích";
- Ngày 25/01/2021, Tòa án nhân dân thành phố C quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 02 năm.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện tỉnh K1. Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Trung T (Thành ba tấn), sinh năm: 1989 tại Bình Định; Nơi cư trú: Thôn Tân Lập, xã Cam Phước Tây, huyện C1, tỉnh K1; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Trọng Tấn (Sinh năm 1959) và bà Nguyễn Thị Dung (Sinh năm 1963), Vợ: Nguyễn Thị Thanh Nguyên (sinh năm 1990), Có 01 con sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Đàng Mai K, sinh năm: 1998 tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tinh Binh Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Chăm: Tôn giáo: Bà La Môn; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đàng Thanh Vân (Sinh năm 1959) và bà: Mai Thị Ngọc Anh (Sinh năm: 1966), Vợ, con: chưa;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 05/5/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố C áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 01 năm.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại có kháng cáo*:

Ông Trần Văn H, sinh năm 1982,

Nơi cư trú: Tổ dân phố Lợi Thịnh, phường Cam Lợi thành phố C, tỉnh K1. Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Ngô Hữu L không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn H, Huỳnh Ngọc Hữu P, Đàng Mai K là người nghiện ma túy, đã nhiều lần trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy, cụ thể:

Vụ 1: Khoảng 01 giờ ngày 03/3/2020, Lê Văn H, Ngô Hữu L đi ngang nhà anh Nguyễn Văn Sơn ở Tổ dân phố Xuân Ninh, phường Cam P Nam, thành phố C. H thấy nhà không có cổng nên rủ L vào nhà tìm tài sản trộm cắp. H đi vào nhà thấy xe mô tô biển số 79C1-574.94 nên đi ra nói L vào lấy trộm. L đồng ý. H, L vào lấy xe mô tô nói trên. Sau đó, L điều khiển xe mô tô biển số 79C1-574.94 chở H vào Ninh Thuận để bán xe. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, H gọi điện thoại cho Huỳnh Ngọc Hữu P nhờ bán xe. P đi từ C vào Ninh Thuận gặp H và L. Tại Ninh Thuận, H nói cho P biết xe mô tô biển số 79C1-574.94 mới lấy trộm được, nhờ P bán xe. P đồng ý. Sau đó, P và H điều khiển xe mô tô biển số 79C1-574.94 vào thành phố Hồ Chí Minh để bán. Khi đến khu vực ngã ba Trị An thuộc tỉnh Đồng Nai, P bán xe mô tô biển số 79C1-574.94 cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) được 26.000.000 đồng trên mạng xã hội. H cho P 1.000.000 đồng; cho L 10.000.000 đồng; H giữ lại 12.000.000 đồng, còn lại tiêu xài chung.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 84/HĐĐG ngày 11/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố C kết luận: Xe mô tô biển số 79C1 -574.94 trị giá 111.600.000 đồng (một trăm mười một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Vụ 2: Khoảng 22 giờ ngày 07/3/2020, Lê Văn H đi ngang nhà ông Trần Văn H ở Tổ dân phố Lợi Thịnh, phường Cam Lợi, thành phố C. H thấy xe mô tô 03 bánh gắn biển số 61L8-2671 của ông H để ngoài đường trước cổng nhà, không có người trông coi, H nảy sinh ý định trộm cắp. H gọi điện thoại cho P nói "có chiếc xe lôi ở gần quán chè Thảo Hồng, xuống cùng lấy trộm đi bán", P đồng ý. P rủ Đàng Mai K cùng đi trộm cắp tài sản. Khi P, K đến thì H đi mượn kềm của Ngô Hữu L. Sau đó, H và P đến đẩy xe mô tô 03 bánh biển số 61L8-2671 đi ra đầu hẻm ngoài đường, còn K đứng cảnh giới đầu hẻm. Lúc này, H gọi điện thoại cho Ngô Hữu L nói "anh L qua quán chè Thảo Hồng coi giúp chiếc xe lôi không nổ". L đến thì lúc này, H nói cho L biết xe lôi mới lấy trộm, không nổ được, giờ sửa, L đồng ý. L sửa xe nhưng không được, P nói đẩy xe lên Cam Phước Tây để bán cho Nguyễn Trung T. Tất cả đồng ý. H, P, L, K đẩy xe mô tô 03 bánh biển số 61L8 2671 đi đến khu vực đường tỉnh lộ 9 thì va vào cửa tiệm bán thuốc tây của anh Lâm Điền Sang nên cả nhóm bỏ đi. Tất cả đến gặp Nguyễn Trung T ở nhà nghỉ Huyền Dung thuộc phường Cam Phú. Tại đây, H nói cho Thành biết mới trộm được xe lôi nhưng bị tai nạn pH đi xin lại xe. Thành đồng ý. L về nhà lấy xe mô tô 03 bánh để đi chở xe 61L8-2671. Sau đó, tất cả đến tiệm thuốc của anh Sang. Tại

đây, P mượn K điện thoại Iphone 7 đưa cho Sang để được lấy xe đi. Sau đó, tất cả chở xe mô tô 03 bánh biển số 61L8-2671 đến khu vực đập Suối Hành thuộc xã Cam Phước Tây, huyện C1 cất giấu. Thành nói với cả nhóm để xe lại, tiền Thành trả sau.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 35/HĐĐG ngày 20/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố C kết luận: Xe mô tô 03 bánh nhãn hiệu YINXIANG màu trắng, gắn biển số 61L8-2671, số máy 1T00335917, trị giá 3.916.800 đồng (Ba triệu chín trăm mười sáu nghìn tám trăm đồng).

Cáo trạng số 10/CT-VKSCR-HS ngày 25/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị can Lê Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị can Huỳnh Ngọc Hữu P về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự; truy tố bị can Đàng Mai K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị can Nguyễn Trung T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Cáo trạng còn truy tố bị can Ngô Hữu L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh K1 đã quyết định:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn H 04 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc Hữu P 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc Hữu P 03 năm 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt cho cả hai tội, buộc bị cáo Huỳnh Ngọc Hữu P chấp hành hình phạt chung là 04 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đàng Mai K 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hình sự đối với Ngô Hữu L, trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 31/3/2021, bị cáo Đàng Mai K và bị hại Trần Văn H cùng có đơn kháng cáo đề nghị cấp P thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo K được hưởng án treo.

Ngày 04/4/2021, bị cáo Lê Văn H, Huỳnh Ngọc Hữu P có đơn kháng cáo đề nghị cấp P thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/4/2021, bị cáo Nguyễn Trung T có đơn có đơn kháng cáo đề nghị cấp P thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa P thẩm:

- Các bị cáo Lê Văn H, Huỳnh Ngọc Hữu P có Đơn xin rút kháng cáo và đề nghị xét xử P thẩm vắng mặt đề ngày 16/3/2022.

- Bị cáo Nguyễn Trung T giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Đàng Mai K, bị hại Trần Văn H giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo Đàng Mai K được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Các bị cáo Lê Văn H, Huỳnh Ngọc Hữu P có Đơn xin rút kháng cáo và đề nghị xét xử P thẩm vắng mặt đề ngày 16/3/2022, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử P thẩm vụ án hình sự P thẩm thụ lý số: 58/2021/TLPT-HS ngày 07/5/2021 đối với các bị cáo Lê Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Huỳnh Ngọc Hữu P về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 và "Tiêu thụ tài sản cho người khác phạm tội mà có" theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đàng Mai K về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Trung T "Tiêu thụ tài sản cho người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội. Cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt Đàng Mai K 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Nguyễn Trung T 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" mà không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thiếu sót. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trung T, Đàng Mai K và bị hại Trần Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo Lê Văn H, Huỳnh Ngọc Hữu P, Nguyễn Trung T, Đàng Mai K và bị hại Trần Văn H trong thời hạn nên vụ án được xét xử P thẩm.

[2] Các bị cáo Lê Văn H, Huỳnh Ngọc Hữu P có Đơn xin rút kháng cáo và đề nghị xét xử P thẩm vắng mặt đề ngày 16/3/2022 được Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh K1 xác nhận nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử P thẩm vụ án hình sự P thẩm thụ lý số: 58/2021/TLPT-HS ngày 07/5/2021 đối với các bị cáo Lê Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Huỳnh Ngọc Hữu P về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 và "Tiêu thụ tài sản cho người khác phạm tội mà có" theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Trung T, Đàng Mai K tại phiên tòa P thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 03/3/2020, tại nhà anh Nguyễn Văn Sơn ở Tổ dân phố Xuân Ninh, phường Cam P Nam, thành phố C, H và L trộm cắp xe mô tô biển số 79C1-574.94, trị giá 111.600.000 đồng của anh Sơn; sau đó, tại khu vực ngã ba Trị An thuộc tỉnh Đồng Nai, P biết xe mô tô biển số 79C1-574.94 là do H, L trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý giúp H, L bán xe cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) để lấy 26.000.000 đồng. Khoảng 22 giờ ngày 07/3/2020, tại nhà ông Trần Văn H ở Tổ dân phố Lợi Thịnh, phường Cam Lợi, thành phố C, H, P, K đã có hành vi trộm cắp xe mô tô 03 bánh gắn biển số 61L8-2671, trị giá 3.916.800 đồng của ông Trần Văn H; Ngô Hữu L biết xe mô tô 03 bánh gắn biển số 61L8-2671 là do H, P, K trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp H, P, K mang xe đi bán cho Thành; Thành biết xe mô tô 03 bánh gắn biển số 61L8-2671 là do H, P, K trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua. Hành vi của bị cáo Lê Văn H đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Huỳnh Ngọc Hữu P đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và "Tiêu thụ tài sản cho người khác phạm tội mà có" thuộc trường hợp "Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng" theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Đàng Mai K đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Trung T đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản cho người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" và "Tiêu thụ tài sản cho người khác phạm tội mà có" là có căn cứ, đúng pháp luật

[4] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Đàng Mai K và bị hại Trần Văn H: Bị cáo bị truy tố, xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đàng Văn K 09 (chín) tháng tù là không

nặng. Ngày 07/3/2020, bị cáo thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản", đến ngày 05/5/2020, bị cáo tiếp tục bị Tòa án nhân dân thành phố C quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 01 năm nên không đủ điều kiện có nhân thân tốt để cho hưởng án treo. Tại phiên tòa P thẩm, không có tình tiết mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại.

[5] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trung T: Bị cáo bị truy tố, xét xử về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa P thẩm, không còn tình tiết nào khác để Hội đồng xét xử xem xét, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[6] Trong phần nhận định, Hội đồng xét xử sơ thẩm có nhận định các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nhưng phần quyết định của bản án sơ thẩm không ghi việc áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[7] Về án phí:

Bị cáo Lê Văn H, Huỳnh Ngọc Hữu P rút đơn kháng cáo nên không pH chịu án phí hình sự P thẩm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trung T, Đàng Mai K không được chấp nhận nên mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự P thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử P thẩm vụ án hình sự P thẩm thụ lý số: 58/2021/TLPT-HS ngày 07/5/2021 đối với các bị cáo Lê Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Huỳnh Ngọc Hữu P phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 và "Tiêu thụ tài sản cho người khác phạm tội mà có" theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2021/HS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh K1 đối với bị cáo Lê Văn H, Huỳnh Ngọc Hữu P có hiệu lực

pháp luật kể từ ngày 17/3/2022.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trung T, Đàng Mai K và bị hại Trần Văn H; giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Trung T, Đàng Mai K.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đàng Mai K 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 06 (sáu) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc Nguyễn Trung T, Đàng Mai K mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí P thẩm hình sự.

Bị cáo Lê Văn H, Huỳnh Ngọc Hữu P không pH chịu án phí hình sự P thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án P thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 17/3/2022).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Thành

Nơi nhận:
- TANDCC, VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I;
- VKSND tỉnh K1;
- Công an tỉnh K1;
- Sở Tư pháp tỉnh K1;
- TAND TP. C;
- VKSND TP. C;
- Công an TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Các bị cáo, NTGTT;
- Lưu hồ sơ, án văn.